

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:30/2021/HS-ST
Ngày: 25-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững.

Ông Lê Hoàng Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Lương Ngọc Tiến, ông Trần Xuân Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11- 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2021/HSST ngày 01 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

* Họ và tên: **Nguyễn Văn S (Hậu G)**, sinh năm 1995; nơi đăng ký thường trú khóm 3, thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hóa 09/12; con ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1970 (còn sống) và bà Huỳnh Thị P (đã chết); vợ tên Nguyễn Thị B, sinh năm 2001 (đã ly hôn), con có 01 con sinh năm 2018; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; tiền án, tiền sự không; biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 04/11/2020; bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Nguyễn Văn P, sinh năm: 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T, Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

Nguyễn Thị Huỳnh M, sinh ngày: 09/7/2003 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp.

- Người đại diện hợp pháp cho người làm chứng Huỳnh M:

Huỳnh Kim K, sinh năm: 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội

dụng vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 25 tháng 9 năm 2020 bị cáo Nguyễn Văn S, sinh năm 1995, ngụ khóm 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp uống cà phê tại quán Gác thuộc khóm 1, thị trấn Mỹ An thì thấy trời chuyển mưa nên bị cáo điều khiển xe mô tô đi về nhà. Bị cáo đang đi trên đường Gò Tháp thuộc thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp thì trời đã đổ mưa nên rẽ vào đường Huyện Đội chạy được một đoạn khoảng 500m thì xe hết xăng nên bị cáo đậu xe lại và đi bộ ra hướng đường Gò Tháp để đến cửa hàng xăng dầu số 37 nằm trên đường Gò Tháp mua xăng. Khi đi ngược ra đường Gò Tháp được khoảng 300m thì S phát hiện nhà anh Nguyễn Văn T, ngụ khóm 1, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp có một chiếc xe mô tô Future FI màu đỏ, biển số 66M1-247.58 của chị Nguyễn Thị L đang đậu trong sân trước cửa nhà, trên xe vẫn còn cắm sẵn chìa khoá, bị cáo thấy trời mưa, không người trông coi nên nảy sinh ý định trộm xe mô tô trên, bị cáo đi bộ vào dẫn xe mô tô ra ngoài rồi đề máy chạy đi thì bị người trong nhà anh Thái phát hiện và truy hô nhưng không đuổi theo kịp. Bị cáo S chạy xe đến nhà trọ Thuý Anh thuộc khóm 3, thị trấn Mỹ An để tìm Nguyễn Thị Huỳnh M, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2003, ngụ khóm 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp là em họ của bị cáo nhằm mục đích chờ M trở lại lấy xe của mình đang đậu trên đường bị hết xăng. Khi đến nhà trọ Thuý Anh thì bị cáo điện thoại kêu M ra nhưng M nói không có tiền trả tiền nhà trọ thì chủ nhà trọ không cho đi, lúc này bị cáo S mở cốp xe mô tô vừa trộm được để tìm tài sản thì phát hiện trong cốp xe có khoảng 350.000 đồng cùng nhiều đồ trẻ em, nhiều mỹ phẩm các loại và áo khoác nữ, sạc dự phòng, sạc điện thoại, kính mát (tiền, đồ vật là của chị Nguyễn Thị L khi đến nhà anh T chơi). Bị cáo S gọi M ra trước cửa nhà trọ gặp và trả tiền nhà trọ cho M 330.000 đồng. Sau đó, bị cáo kêu M lên xe chở đi lấy xe của bị cáo đang đậu. Trên đường đi bị cáo ghé cửa hàng xăng mua một chai xăng 20.000 đồng và tiếp tục điều khiển xe chở M qua cầu Kênh 25 thì bị cáo rẽ phải đi theo đường kênh và đi lại nơi bị cáo đậu xe trước đó, mục đích chạy lòng vòng vì sợ đi ngang nhà anh T, gia đình anh T sẽ phát hiện và bắt giữ. Lấy xe xong bị cáo kêu M chạy xe mô tô biển số 66M1-247.58 do bị cáo trộm được chạy theo bị cáo về nhà nội tại đường kênh 25 thuộc khóm 3, thị trấn Mỹ An để đổi biển số xe bị cáo S sang xe Future FI vừa trộm được, còn biển số xe 66M1-247.58 bị cáo để trong cốp xe của mình, thay biển số xong thì bị cáo kêu M chạy xe bị can vừa trộm được, còn bị cáo chạy xe của bị cáo, cả 2 cùng đi đến nhà trọ Thuý Anh. Khi đến nhà trọ bị cáo S đòi đưa xe Future FI màu đỏ vào nhà trọ để thì M không đồng ý, có cãi nhau với S và cả hai cùng đi ngủ. Đến sáng hôm sau bị cáo S chạy xe của bị cáo về nhà nội mình, còn xe lấy trộm được bị cáo để tại nhà trọ Thuý Anh. Sau đó, bị cáo xem trên mạng xã hội Facebook phát hiện chủ xe đăng tin mất xe là chiếc xe mà bị cáo đã lấy trộm. Đến ngày 27 tháng 9 năm 2020 bị cáo S kêu M chạy xe bị cáo trộm đến nhà bạn của bị cáo tên Đ (Sơn C) thuộc khóm 1, thị trấn Mỹ An để gặp bị cáo, khi M đến thì bị cáo lấy xe 66M1-247.58 chạy đi về hướng xã Mỹ An đến quán bi-da của anh Nguyễn Văn N, ngụ ấp Mỹ Thị A, xã

Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp thì bị cáo vào quán gửi chiếc xe 66M1-247.58 và nói đi bán chim, bị cáo để lại chìa khoá trên xe. Bị cáo S bỏ đi không quay lại lấy xe. Đến ngày 29 tháng 9 năm 2020 anh N nghe thông tin Công an thị trấn Mỹ An đang tìm chiếc xe mà người thanh niên đã gửi tại quán của anh, anh N mới biết đây là xe trộm nên điều khiển xe mô tô 66M1-247.58 đến giao nộp cho Công an trấn Mỹ An. Ngày 07 tháng 10 năm 2020 Công an huyện Tháp Mười mời bị cáo Nguyễn Văn S để xác minh làm rõ, bị cáo thừa nhận thực hiện trộm xe mô tô nêu trên.

Đối với hành vi của Nguyễn Thị Huỳnh M không biết xe mô tô biển số 66M1-247.58 là xe của bị cáo Nguyễn Văn S lấy trộm và không đồng ý để bị cáo Sen để xe tại nhà trọ Thúy Anh. Khi bị cáo S để xe tại nhà trọ Thúy Anh có cầm sẵn chìa khoá do M không phương tiện đi lại nên có lấy xe chở bạn đi học và mua đồ ăn xong đem về để tại nhà trọ. Bị cáo S có kêu M tìm người để tiêu thu tài sản nhưng M không có tìm người tiêu thụ xe trộm giúp S. Ngày 27 tháng 9 năm 2020 bị cáo S kêu M chạy xe đến xã Mỹ An đưa xe cho S để đi trả cho người bị mất trộm. Do đó, hành vi của Nguyễn Thị Huỳnh M chưa đủ yếu tố cấu thành tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

Kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Tháp Mười số 43 ngày 28 tháng 10 năm 2020 kết luận: Xe mô tô Honda, loại Future, màu đỏ, biển số 66M1-247.58 số máy JC54E3019956, số khung 5379EZ007369 tại thời điểm bị mất trộm là: 17.000.000 đồng.

- Về vật chứng: Xe mô tô Honda, loại Future, màu đỏ, biển số 66M1-247.58, số máy JC54E3019956, số khung 5379EZ007369 xét thấy không cần thiết tạm giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tháp Mười đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn P, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Văn P đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với số tiền 350.000 đồng cùng nhiều đồ trẻ em, nhiều mỹ phẩm các loại và áo khoác nữ, sạc dự phòng, cốc sạc điện thoại, kính mát mà chị Nguyễn Thị L (vợ anh P) để trong cốp xe, qua làm việc chị L không yêu cầu bị can S phải bồi thường nên không đề cập xử lý.

Tại Bản Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S (Hậu) về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

- **Tại phiên tòa sơ thẩm:**

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tháp Mười thực hiện quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, đã đưa ra những chứng cứ, lý lẽ kết tội đối với bị cáo. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+Về tội danh: Căn cứ Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị

Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S (Hậu G) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S (Hậu G) từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét xử lý.

+ Về vật chứng: Đã giải quyết xong.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn S (Hậu G) thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Người bị hại Nguyễn Văn P (vắng mặt), trong quá trình điều tra khai: Bị cáo S có trộm của anh Xe mô tô Honda, loại Future, màu đỏ, biển số 66M1-247.58 số máy JC54E3019956, số khung 5379EZ007369. Anh đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì về tài sản. Đối với bị cáo anh yêu cầu xử lý theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Văn S (Hậu G) nói lời nói sau cùng là xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo S khai nhận đã có hành vi trộm cắp tài sản. Xét lời khai của hai bị cáo phù hợp với nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Do đó, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 như sau:

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....”

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chẳng những xâm phạm đến tài sản hợp pháp của các bị hại mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trị an tại địa phương.

[5] Xét thấy, bị cáo S (Hậu G) là người đã thành niên, có sức khỏe. Nhưng xuất phát từ việc lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải bỏ công sức lao động, nên bị cáo Sen đã lén lút lấy một xe mô tô Honda, loại Future, màu đỏ, biển số 66M1-247.58 số máy JC54E3019956, số khung 5379EZ007369, trị giá 17.000.000 đồng.

Bị cáo nhận thức được hành vi xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm, tội phạm đã hoàn thành và các bị cáo thực hiện hành vi của mình là cố ý.

[6] Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, cần cách ly các bị cáo một thời gian nhất định, để các bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành một công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[8] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét tình tiết *“Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”* để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là phù hợp với điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[9] Về vật chứng: Đã giải quyết xong.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[11] Đối với người làm chứng Nguyễn Thị Huỳnh M không biết xe mô tô biển số 66M1-247.58 là xe của bị cáo Nguyễn Văn S lấy trộm và không đồng ý để bị cáo S để xe tại nhà trọ Thúy Anh. Mặt khác, bị cáo S bị khởi tố và truy tố theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, đây là tội phạm ít nghiêm trọng và không thuộc các trường hợp được quy định tại các Điều 389 và 390 Bộ luật hình sự; mặt khác M cũng không tìm người để tiêu thụ tài sản giúp bị cáo S. Do đó, hành vi của Nguyễn Thị Huỳnh M không cấu thành tội phạm được quy định tại Điều 323, Điều 389 và Điều 390 Bộ luật hình sự và không đồng phạm với bị cáo S về tội trộm cắp tài sản.

[12] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S (Hậu G) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2/- Xử phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S (Hậu G) **09 (Chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4/- Về vật chứng: Đã giải quyết xong.

5/- Về án phí: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn S (Hậu G) phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6/- Quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKS Tỉnh, Huyện;
- Tòa án Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Nhà tạm giữ Công an Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (K. Ngọc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Ngọc